

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW, ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới

Thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW, ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới (*sau đây viết tắt là Nghị quyết số 42-NQ/TW*); Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030; căn cứ yêu cầu nhiệm vụ chính trị và điều kiện thực tiễn của tỉnh trong giai đoạn mới, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**1. Mục đích**

- Quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tại Nghị quyết số 42-NQ/TW, nhằm nâng cao nhận thức của cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của chính sách xã hội và việc đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Cụ thể hóa các quan điểm, định hướng phát triển, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu được nêu tại Nghị quyết số 42-NQ/TW phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh và từng địa phương, đơn vị; xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

2. Yêu cầu

- Tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt Nghị quyết số 42-NQ/TW nghiêm túc, sâu rộng trong các cấp ủy, tổ chức đảng trên địa bàn để cán bộ, đảng viên thống nhất nhận thức và nắm vững các quan điểm của Đảng về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

- Việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW phải nghiêm túc, thiết thực, hiệu quả, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở; huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp Nhân dân; thường xuyên kiểm tra, giám sát, định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2030

Xây dựng hệ thống chính sách xã hội theo hướng bền vững, tiên bộ và công bằng, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hoàn thiện chính sách an sinh xã hội đa dạng, đa tầng, toàn diện, hiện đại, bao trùm, bền vững; tạo cơ hội cho Nhân dân, nhất là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, người sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, đặc biệt là về y tế, giáo dục, nhà ở, thông tin. Phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiệu quả, hội nhập quốc tế gắn với việc làm bền vững; nâng cao chất lượng quản lý phát triển xã hội gắn với bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030

- Bảo đảm 100% người có công và gia đình người có công với cách mạng được chăm lo toàn diện cả vật chất và tinh thần, có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú. Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị dưới 3%, tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực nông thôn dưới 2,3%; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt từ 38% trở lên; phần đầu đạt khoảng 60% lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội và khoảng 45% lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp; khoảng 60% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội; 100% hộ gia đình chăm sóc trẻ em dưới 36 tháng tuổi, phụ nữ mang thai, người cao tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo được hưởng trợ cấp xã hội theo quy định; tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm trên 1,5 điểm %/năm; bảo đảm mức sống tối thiểu cho người có hoàn cảnh khó khăn; trợ cấp xã hội cho hộ nghèo không có khả năng thoát nghèo.

- Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi, tỷ lệ đi học đúng độ tuổi cấp tiểu học đạt 99,6%, hoàn thành giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở, ít nhất 85% người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương; duy trì 100% xã, phường đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2. Bảo đảm vững chắc mức sinh thay thế của quốc gia; tuổi thọ trung bình của người dân đạt từ 75,5 tuổi trở lên, số năm sống khỏe đạt tối thiểu 68 năm; chỉ số phát triển con người (HDI) đạt từ 0,8

trở lên; có từ 50 giường bệnh viện, 19 bác sĩ, 4 dược sĩ, 33 điều dưỡng viên trên 10.000 dân; đạt bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân; trên 95% người dân sử dụng dịch vụ chăm sóc ban đầu tại y tế cơ sở được bảo hiểm y tế chi trả; trên 95% dân số được quản lý sức khỏe; tỷ lệ tiêm chủng mở rộng đạt trên 95%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi không quá 13,6%; cơ bản chấm dứt các dịch bệnh AIDS, lao và loại trừ sốt rét.

- Xây dựng được 60.000 căn hộ nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp; cơ bản hoàn thành việc xóa nhà tạm, nhà dột nát đối với các hộ đủ điều kiện và có nhu cầu hỗ trợ trên địa bàn tỉnh; diện tích nhà ở bình quân đầu người đạt khoảng 30m² sàn/người. 100% hộ gia đình ở thành thị và 80% hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn; 100% hộ gia đình, trường học, trạm y tế có công trình phù hợp vệ sinh bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn; 25% điểm dân cư nông thôn tập trung có hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt, 15% nước thải sinh hoạt được xử lý.

- Có ít nhất 75% người dân ở vùng sâu, vùng xa, 80% các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được hưởng thụ và tham gia các hoạt động văn hóa, nghe, xem các kênh phát thanh, truyền hình của quốc gia và địa phương.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Phát triển chính sách xã hội toàn diện, bền vững, tiến bộ và công bằng, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội cho Nhân dân, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và xây dựng con người Việt Nam toàn diện. Tỉnh Thái Nguyên nằm trong nhóm các tỉnh có chỉ số phát triển con người (HDI) cao trên toàn quốc.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của chính sách xã hội

Tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về vai trò đặc biệt quan trọng, quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của chính sách xã hội trong giai đoạn mới cho cán bộ, đảng viên, cán bộ lãnh đạo, quản lý và Nhân dân, nhất là người đứng đầu. Đổi mới nội dung, phương pháp tuyên truyền, vận động với hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với từng đối tượng, bảo đảm thiết thực, hiệu quả; thường xuyên tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm trong quá trình triển khai thực hiện chính sách xã hội; kịp thời khen thưởng, tôn vinh các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt chính sách xã hội, tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng các mô hình tốt, cách làm hay, điển hình tiên tiến. Tăng cường nắm bắt tình hình tư tưởng, dư luận xã hội, kịp thời định hướng thông tin, giải quyết những vấn đề phát sinh liên quan đến thực hiện chính sách xã hội.

2. Nâng cao năng lực, hiệu lực quản lý nhà nước về chính sách xã hội

Trên cơ sở hệ thống chính sách xã hội của Trung ương, chủ động xây dựng các chính sách xã hội của tỉnh bảo đảm thống nhất, đồng bộ, khả thi, phù hợp với từng giai đoạn phát triển của tỉnh và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong tổ chức thực hiện; đẩy mạnh cải cách hành chính; kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về chính sách xã hội; tăng cường vai trò giám sát của Nhân dân; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách xã hội; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm hành vi trục lợi chính sách, vi phạm pháp luật. Đẩy mạnh công tác quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ xã hội thông qua cơ chế quản lý, cập nhật, chia sẻ dữ liệu và thông tin trên nền tảng số.

Đổi mới cơ chế huy động nguồn lực thực hiện chính sách xã hội theo hướng linh hoạt, hiệu quả; nguồn lực nhà nước giữ vai trò chủ đạo, đồng thời huy động hợp lý nguồn lực xã hội và hợp tác quốc tế; tăng cường xã hội hóa, hợp tác công - tư trong thực hiện chính sách xã hội; tăng cường kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng các nguồn lực xã hội hóa, nguồn viện trợ, tài trợ nhằm phòng ngừa thất thoát, lãng phí, tiêu cực trong quá trình triển khai thực hiện.

3. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng

Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện đúng, đủ, kịp thời các chính sách, chế độ cho đối tượng là người có công với cách mạng và thân nhân của người có công, bảo đảm tất cả người có công và thân nhân của họ được thụ hưởng đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng, bảo đảm 100% người có công và gia đình người có công có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú.

Quan tâm giải quyết dứt điểm chính sách đối với các trường hợp đề nghị xác nhận là người có công với cách mạng còn vướng mắc, bảo đảm chặt chẽ, công khai, minh bạch, đúng đối tượng. Đẩy mạnh công tác tìm kiếm, xác định danh tính hài cốt liệt sĩ; xây dựng, sửa chữa, tu bổ, tôn tạo mộ liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ, các công trình ghi công liệt sĩ. Phát huy truyền thống đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, khuyến khích tổ chức, cá nhân và toàn xã hội tích cực tham gia các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa” để thực hiện tốt công tác chăm lo đời sống vật chất, tinh thần đối với người có công với cách mạng.

4. Phát triển thị trường lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo việc làm bền vững cho người lao động

Đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số và phát triển theo hướng bảo đảm quy mô, cơ cấu, phân bố dân số hợp lý; duy trì tỷ số giới tính khi sinh ở mức cân bằng tự nhiên và mức sinh thay thế trên phạm vi toàn tỉnh. Nâng cao chất lượng dân số, tận dụng hiệu quả thời kỳ dân số vàng; xây dựng giải pháp cụ thể trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Phát triển và nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục; đổi mới giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, liên thông, hiện đại, hội nhập quốc tế, đáp ứng yêu cầu phát triển thị trường lao động và tạo cơ hội học tập suốt đời; định kỳ bồi dưỡng và nâng cao năng lực cho đội ngũ giáo viên trong các cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Đẩy nhanh xã hội hóa giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp; đa dạng hóa chủ thể tham gia đào tạo, quy định trách nhiệm và khuyến khích doanh nghiệp đào tạo nghề cho người lao động; thường xuyên kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Tăng cường định hướng nghề nghiệp cho thanh niên ngay từ bậc học phổ thông; đẩy mạnh phân luồng, tăng số học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp. Trọng tâm là tiếp tục quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Chương trình hành động số 24-CTr/TU ngày 17/6/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Đề án số 16-ĐA/TU ngày 10/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026-2030.

Đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các ngành, nghề đào tạo chất lượng cao; chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, nhất là nhân lực trong các lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ mới, công nghiệp hỗ trợ và các ngành kinh tế chủ lực, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn và hội nhập quốc tế. Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ và trọng dụng nhân tài, phục vụ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Phát triển thị trường lao động theo hướng linh hoạt, hội nhập, hiệu quả, đồng bộ với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thực hiện có hiệu quả Quyết định số 176/QĐ-TTg ngày 05/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động đến năm 2030.

Xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ; tăng cường đối thoại, thương lượng tập thể, ký kết và thực hiện thỏa ước lao động tập thể trong doanh nghiệp, giải quyết tranh chấp lao động đúng pháp luật. Thực hiện nghiêm chỉnh sách, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động. Hoàn thiện tiêu chuẩn kỹ năng nghề nghiệp áp dụng cho các ngành nghề trong xã hội. Hiện đại hóa, chuyển đổi số trong thông tin dự báo thị trường, kết nối cung - cầu, quản lý nguồn nhân lực và xây dựng cơ sở dữ liệu lao động, việc làm; nâng cao chất lượng hoạt động của các trung tâm dịch vụ việc làm.

Tạo việc làm cho người lao động phải gắn với mục tiêu phát triển bền vững nhằm giải phóng sức sản xuất, nâng cao tay nghề, thu nhập và bảo đảm an toàn tại nơi làm việc cho người lao động. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với cơ cấu kinh tế; tăng cơ hội việc làm bền vững cho người trong và sau độ tuổi lao động để thích ứng với tốc độ già hóa dân số. Mở rộng tín dụng chính sách xã hội nhằm hỗ trợ vốn vay tạo việc làm, sinh kế cho người dân, nhất là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn; tín dụng chính sách cho thanh niên khởi nghiệp. Thúc đẩy thực hiện chính sách việc làm công và các chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

5. Xây dựng hệ thống an sinh xã hội bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, không để ai bị bỏ lại phía sau

Phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, đa tầng, có tính chia sẻ giữa Nhà nước, xã hội, người dân và giữa các nhóm dân cư, bảo đảm bền vững, tiến bộ và công bằng. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động tham gia và thụ hưởng đầy đủ quyền lợi về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế theo quy định. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đối với nông dân, người nghèo, người có thu nhập thấp và lao động khu vực phi chính thức tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện. Tiếp tục mở rộng diện bao phủ, nâng cao chất lượng và hiệu quả thực hiện chính sách bảo hiểm y tế; nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế. Có giải pháp phù hợp để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; thường xuyên đánh giá mức độ hài lòng của người tham gia và thụ hưởng chính sách.

Quan tâm đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống trợ giúp xã hội theo hướng quan tâm cả đời sống vật chất và tinh thần, giúp người dân kịp thời khắc phục khó khăn do tác động của khủng hoảng kinh tế - xã hội, thiên tai, dịch bệnh và các rủi ro khác. Đổi mới việc huy động nguồn lực xã hội, khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trợ giúp xã hội, cứu trợ khẩn cấp; quản lý, sử dụng quỹ cứu trợ xã hội từ thiện, nhân đạo công khai, minh bạch, hiệu quả, đúng pháp luật.

Tiếp tục triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp giảm nghèo bền vững theo hướng đa chiều, bao trùm; tập trung hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo, nhất là tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; thực hiện hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia; hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo.

6. Nâng cao phúc lợi xã hội toàn dân, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản có chất lượng

Về giáo dục: Nâng cao chất lượng giáo dục, đa dạng hóa mô hình, chương trình đào tạo, phương thức học tập phù hợp với người học. Củng cố kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, từng bước thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi. Chú trọng phát triển mạng lưới trường lớp, nhất là ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, khu công nghiệp, khu đông dân cư. Tăng cường giáo dục hòa nhập cộng đồng cho người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, hiện đại hóa, nâng cao hiệu quả hệ thống quản lý giáo dục và hoạt động của giáo viên. Thúc đẩy chủ trương xã hội hóa góp phần hỗ trợ khu vực công thực hiện mục tiêu giáo dục, đào tạo. Tạo điều kiện, môi trường thuận lợi để thu hút nguồn lực thực hiện xã hội hóa giáo dục, đào tạo.

Về y tế: Chú trọng phát triển mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe tâm thần, chăm sóc sức khỏe phụ nữ mang thai, bà mẹ và trẻ em; chăm sóc sức khỏe và quản lý các bệnh mạn tính đối với người cao tuổi, khám sức khỏe định kỳ cho Nhân dân. Thực hiện có hiệu quả các chính sách về dân số, chính sách xã hội, dinh dưỡng, giải quyết tình trạng suy dinh dưỡng ở trẻ em; nâng cao tầm vóc, thể lực người Việt Nam; bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm. Nâng cao chất lượng dự báo, giám sát, phát hiện, phòng ngừa có hiệu quả dịch bệnh, bảo đảm an ninh y tế; phát triển y tế học đường, y học gia đình, phát triển đa dạng các hình thức chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại nhà, tại cộng đồng. Tăng cường chuyển đổi số trong công tác quản lý, trong quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử, bảo hiểm y tế.

Về phát triển văn hóa: Bảo đảm môi trường văn hóa lành mạnh, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, di sản văn hoá dân tộc, văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số. Không ngừng nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của Nhân dân, từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, miền, các giai tầng xã hội. Bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với phát triển văn hóa, xây dựng nếp sống văn minh.

Về thông tin: Thực hiện chính sách, pháp luật về quyền tiếp cận thông tin của công dân theo hướng bình đẳng, tạo điều kiện thuận lợi trong tiếp cận và bảo vệ người dân, đặc biệt là trẻ em, nhóm yếu thế được an toàn trên môi trường mạng. Tăng cường phổ cập dịch vụ viễn thông, hỗ trợ người dân tiếp cận thông tin, công nghệ số. Thiết lập các cụm thông tin điện tử, dịch vụ thông tin công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Về nhà ở: Nêu cao trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, hệ thống chính trị trong thực hiện chủ trương của Đảng và Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, bảo đảm cho người dân có chỗ ở thích hợp, chất lượng và an toàn, có sự chia sẻ trách nhiệm giữa Nhà nước, xã hội và người dân phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và thu nhập. Huy động xã hội, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia phát triển nhà ở xã hội.

Về nước sạch, vệ sinh môi trường: Bảo đảm cung cấp nước sạch sinh hoạt đạt quy chuẩn, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người dân, nhất là tại khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên bảo đảm nguồn nước sạch cho các cơ sở giáo dục, y tế và các công trình thiết yếu. Thực hiện nghiêm các chủ trương, chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường; tập trung xử lý ô nhiễm, phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái, cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của Nhân dân. Lồng ghép, thúc đẩy phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội; triển khai đồng bộ các giải pháp thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn và kiểm soát khí thải, từng bước ngăn chặn, giảm thiểu nguy cơ suy thoái, ô nhiễm môi trường tại khu vực đô thị, nông thôn và miền núi.

7. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ xã hội

Phát triển hệ thống dịch vụ xã hội đa dạng, liên thông, chuyên nghiệp, đáp ứng nhu cầu cơ bản và nâng cao khả năng tiếp cận của các nhóm đối tượng. Xây dựng đội ngũ người làm công tác xã hội có phẩm chất đạo đức, kiến thức pháp luật, kỹ năng nghề nghiệp và tinh thần trách nhiệm. Nâng cao chất lượng các dịch vụ việc làm, bảo hiểm xã hội, y tế, giáo dục, trợ giúp xã hội và các cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng người có công với cách mạng, trẻ em mồ côi, người cao tuổi, người khuyết tật và các đối tượng không có nơi nương tựa. Phát triển mạng lưới chăm sóc, trợ giúp xã hội tại cộng đồng và các mô hình ngoài công lập; phát huy vai trò của gia đình trong chăm sóc, bảo vệ người khuyết tật, người cao tuổi và trẻ em. Hoàn thiện cơ chế, chính sách về hợp tác công - tư; khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư, hiện đại hóa và mở rộng mạng lưới cung cấp dịch vụ xã hội; đẩy mạnh chi trả không dùng tiền mặt cho các đối tượng chính sách trên cơ sở kết nối, khai thác hiệu quả Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

8. Đẩy mạnh hợp tác và tranh thủ nguồn lực, kinh nghiệm quốc tế trong thực hiện chính sách xã hội

Tăng cường hợp tác song phương, đa phương; huy động và sử dụng hiệu quả nguồn vốn, nguồn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ kỹ thuật của các nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế cho chính sách xã hội. Đẩy mạnh chuyển giao khoa học - công nghệ hướng tới việc làm bền vững, nâng cao năng suất lao động, bảo đảm an sinh xã hội, trợ giúp xã hội. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực có sức cạnh tranh trong khu vực và trên thế giới, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao. Khuyến khích nguồn lực quốc tế hỗ trợ, đầu tư phát triển các dịch vụ xã hội, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước, phòng, chống dịch bệnh, bảo vệ môi trường.

9. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của các cơ quan dân cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng trong thực hiện chính sách xã hội

Tăng cường nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, hệ thống chính trị các cấp, nhất là người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong thực hiện chính sách xã hội.

Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh và Hội đồng nhân dân các cấp tăng cường giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về chính sách xã hội, trên cơ sở đó sửa đổi, kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện văn bản pháp luật theo thẩm quyền.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội và các hội quần chúng được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ thường xuyên lắng nghe, phản ánh, phối hợp giải quyết tâm tư, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; nâng cao chất lượng hoạt động giám sát và phản biện xã hội; tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận của hội viên, đoàn viên và Nhân dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phối hợp vận động nguồn lực, khuyến khích tổ chức, cá nhân phát triển các loại hình cung cấp dịch vụ xã hội và tích cực tham gia thực hiện chính sách xã hội.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 42-NQ/TW và Chương trình hành động này đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân; xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để triển khai phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện và định kỳ báo cáo theo quy định.

2. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động; cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thành các chương trình, đề án, kế hoạch cụ thể; phân công rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, tiến độ và trách nhiệm tổ chức thực hiện; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

3. Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh lãnh đạo Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh rà soát, tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh.

4. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị, địa phương tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 42-NQ/TW đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân; chỉ đạo các cơ quan báo chí, truyền thông của tỉnh thường xuyên tuyên truyền Nghị quyết số 42-NQ/TW bằng các hình thức thiết thực, phù hợp, hiệu quả, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương; nắm tình hình tư tưởng, dư luận xã hội liên quan đến việc thực hiện chính sách xã hội; kịp thời tham mưu cấp ủy chỉ đạo xử lý các vấn đề phát sinh.

5. Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy theo chức năng, nhiệm vụ được giao theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Chương trình hành động này được phổ biến đến chi bộ để tổ chức thực hiện.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (*báo cáo*);
- Ban Chính sách, chiến lược Trung ương (*báo cáo*);
- Các đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

VuThiHongHue-220

**T/M TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ**

Bùi Văn Lương